

Bản án số: 111/2024/KDTM-ST
Ngày: 30/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Anh Thư
- Bà Nguyễn Thị Hiếu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4630/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 6106/2024/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Thương mại và Xây dựng VK.

Địa chỉ: Ox QT, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Số xx đường dẫn cầu PL, Khu phố HL, phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2023) (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH MTV S.

Địa chỉ: Lầu x, số xx Bis H1, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh L, địa chỉ: P1xAxx số 1xx - 1xx C, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 2xx C1, Phường H2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Thương mại và Xây dựng VK (gọi tắt là Công ty VK) và trình bày của người đại diện theo ủy quyền:

Ngày 29/11/2017, Công ty VK và Công ty TNHH MTV S (Gọi tắt là Công ty S) ký kết Hợp đồng thi công số: 29xx/201x/HĐTC/SC-VK về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống M&E dự án R tại xx D, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, tổng giá trị Hợp đồng thi công đã bao gồm thuế VAT là: 1.238.033.828 đồng.

Công ty VK đã triển khai thi công, hoàn thành và bàn giao toàn bộ hồ sơ thanh quyết toán, bàn giao công trình đúng thời hạn, chất lượng và tiến độ theo quy định tại Hợp đồng hai bên đã ký kết. Ngày 30/07/2018, các Bên thống nhất ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục và đưa vào sử dụng đồng thời phê duyệt xác nhận giá trị Quyết toán của Hợp đồng số 29xx/201x/HĐTC/SC-VK ký ngày 29/11/2017 là: 1.238.033.828 đồng. (Đính kèm Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngày 30/07/2018 và Bảng giá trị quyết toán).

Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại Công ty S không thực thanh toán cho Công ty theo đúng quy định tại Hợp đồng đã ký kết. Công ty VK đã nhiều lần trao đổi bằng điện thoại, email và gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng phía Công ty S vẫn cố tình không thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền theo quy định của Hợp đồng số 29xx/201x/HĐTC/SC-VK là: 1.238.033.828 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Điều 18 Hợp đồng thi công số 29xx/201x/HĐTC/SC-VK về phạt vi phạm Hợp đồng: “Nếu Bên A vi phạm về nghĩa vụ thanh toán, Bên A sẽ chịu phạt 0,1% (không phải một phần trăm) giá trị của hợp đồng cho mỗi ngày chậm thanh toán nhưng không được chậm quá 15 ngày. Nếu Bên A chậm thanh toán sang ngày thứ 16, Bên A sẽ bị phạt 12% (mười hai phần trăm) giá trị hợp đồng và chịu mọi bồi thường thiệt hại do việc thanh toán gây ra”. Theo đó, ngày 15/10/2019 là đến hạn thanh toán nhưng đến nay Công ty S vẫn chưa thực hiện thanh toán công nợ cho Công ty VK. Hành vi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của Công ty S là hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký kết, đồng thời gây thiệt hại và làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty VK.

Từ những nội dung đã trình bày trên, vì vậy, bằng đơn khởi kiện này, Công ty VK yêu cầu:

1. Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty VK toàn bộ số tiền theo quy định của Hợp đồng thi công số 29xx/201x/HĐTC/SC-VK là: 1.238.033.828 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng)

2. Buộc Công ty S thanh toán số tiền phạt chậm thanh toán Hợp đồng thi công số 29xx/201x/HĐTC/SC-VK theo quy định tại khoản Điều 18 của Hợp đồng (mức phạt: 12% giá trị hợp đồng) là: 148.564.059 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm năm mươi chín đồng).

3. Yêu cầu Công ty S thanh toán đầy đủ, một lần toàn bộ số tiền còn nợ và phạt chậm thanh toán nêu trên cho Công ty VK.

- Bị đơn Công ty S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Công ty VK có người đại diện bà Nguyễn Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu: 1) Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty VK toàn bộ số tiền theo Hợp đồng thi công số 29xx/201x/HĐTC/SC-VK là: 1.238.033.828 đồng; 2) Đối với yêu cầu buộc phạt do chậm trả tiền thì thay đổi buộc Công ty S thanh toán số tiền phạt do chậm thanh toán từ ngày 15/10/2019 đến ngày xét xử 30/5/2024 với lãi suất 10%/năm; 3) Yêu cầu Công ty S thanh toán đầy đủ, một lần toàn bộ số tiền còn nợ và phạt chậm thanh toán nêu trên cho Công ty VK.

- Bị đơn Công ty S vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận 1 phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty S thanh toán số tiền thi công 1.238.033.828 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 15/10/2019 đến ngày xét xử 30/5/2024 với lãi suất 10%/năm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty VK và bị đơn Công ty S là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng thi công. Bị đơn Công ty S có địa chỉ trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228, xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty VK thay đổi một phần yêu cầu, từ yêu cầu bị đơn Công ty S chịu phạt do vi phạm hợp đồng thay đổi sang yêu cầu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu chế tài do vi phạm nghĩa vụ trả tiền từ phạt vi phạm sang trả tiền lãi do chậm thanh toán không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án

Quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng thi công số: 29xx/201x/HĐTC/SC-VK ngày 29/11/2017. Nội dung chính của hợp đồng Công ty S giao cho Công ty VK cung cấp và lắp đặt hệ thống M&E tại Dự án R; giá trị hợp đồng 1.238.033.828 đồng. Căn cứ Điều 3, Điều 74 Luật thương mại, Điều 513 Bộ luật dân sự, Hợp đồng thi công số: 29xx/201x/HĐTC/SC-VK ngày 29/11/2017 có hiệu lực pháp luật,

Thực hiện hợp đồng Công ty VK đã tiến hành cung cấp, lắp đặt hệ thống cơ điện, đến ngày 30/7/2018, Công ty S và Công ty VK tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Công ty VK đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/9/2019 cho số tiền 1.238.033.828 đồng cho Công ty S. Tuy nhiên đến nay, Công ty S chưa thanh toán cho Công ty VK.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 17 của Hợp đồng, nghĩa vụ thanh toán đã phát sinh nên yêu cầu của Công ty VK buộc Công ty S trả số tiền của hợp đồng 1.238.033.828 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền lãi của số tiền 1.238.033.828 đồng tính từ ngày từ ngày 15/10/2019 đến ngày xét xử 30/5/2024 theo lãi suất là 10%/năm.

Căn cứ Điều 6 của hợp đồng: *“Sau khi bên B chuyển giao cho bên A hồ sơ hoàn công công trình theo quy định của pháp luật, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 100% giá trị khối lượng quyết toán công được đã được bên A nghiệm thu và xác nhận trong vòng 7 ngày làm việc, trên cơ sở bên B trình cho bên A các hồ sơ thành toán và được bên A phê chuẩn, bao gồm: Đề nghị thanh toán, Bảng giá trị khối lượng quyết toán, Xác nhận hoàn thành công trình do Bên A ban hành, Biên bản bàn giao công trình cho bên A, Hóa đơn giá trị gia tăng”*. Điều 18: *“Nếu bên A vi phạm về nghĩa vụ thanh toán, bên A sẽ chịu phạt 0,1% giá trị của hợp đồng cho mỗi ngày chậm thanh toán sang ngày thứ 16, bên A sẽ bị phạt 12% giá trị hợp đồng và chịu mọi bồi thường thiệt hại do việc chậm thanh toán gây ra”*

Như vậy, thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán sau khi Công ty VK có đủ hồ sơ thanh toán và thời hạn thanh toán trong vòng 7 ngày. Do Công ty S không thanh toán trong hạn nên việc Công ty VK yêu cầu tính lãi do chậm trả tiền tính sau 15 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn 30/9/2019 theo lãi suất 10%/năm là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng và quy định tại điều 306 Luật thương mại, mức yêu cầu về lãi suất thấp hơn lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay nên được chấp nhận.

$1.238.033.828 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1689 \text{ ngày} = 572.887.434 \text{ đồng}$

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty VK về việc buộc bị đơn Công ty S trả số tiền 1.238.033.828 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ 572.887.434 đồng. Tổng cộng 1.810.921.262 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty VK buộc bị đơn Công ty S thanh toán đầy đủ, một lần toàn bộ số tiền còn nợ và phạt chậm thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quy định của pháp luật tại Điều 19 Bộ luật tố tụng dân sự về việc đảm bảo tính hiệu lực của bản án khi đã có hiệu lực pháp luật nên đương nhiên phải thực hiện không cần phải ghi nhận nên không tuyên ở phần quyết định. Tuy nhiên để đảm bảo cho quyền lợi của nguyên đơn nếu bị đơn chậm

thực hiện, Hội đồng xét xử ghi nhận về nghĩa vụ của bị đơn khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bản án khi đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể, kể từ ngày nguyên đơn Công ty VK có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty S còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 513 Bộ luật dân sự; Điều 3, Điều 74, Điều 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Thương mại và Xây dựng VK:

Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV S phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Thương mại và Xây dựng VK số tiền 1.238.033.828 (Một tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi tám) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán 572.887.434 (Năm trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm ba mươi bốn) đồng. Tổng cộng 1.810.921.262 (Một tỷ, tám trăm mười triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng:

- Bị đơn Công ty TNHH MTV S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại là 66.327.638 (Sáu mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi tám) đồng.

- Trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Thương mại và Xây dựng VK tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.798.968 (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm sáu mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0043555 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có người đại diện có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.1;
- Chi cục Thi hành án Q.1;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn